TÒA ÁN NHÂN DÂN TP NHA TRANG **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ -ST
Ngày: 27/4/2018
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Mnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Tỉnh**

Ông **Nguyễn Đức Đẹp**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thủy –** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Ánh Dương –** Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/HNGĐ-ST ngày 03/01/2018 về việc "*Ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/QĐHTP-ST ngày 18/4/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Bùi Nữ Trà M,** sinh năm 1989
Địa chỉ: 30/13 H, phường V, thành phố Nha Trang.
Có mặt đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Ông **Hàng Minh H ,** sinh năm 1986
Nơi ĐKNKTT: X 1, T, Diên L, D, Khánh Hòa.
Nơi làm việc: Thôn N 1, xã V, thành phố Nha Trang.
Địa chỉ liên lạc: 118/9 T, P, Nha Trang.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2017 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là Bùi Nữ Trà M trình bày: Bà và ông Hàng Minh H kết hôn với nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 20/8/2013). Trong quá trình chung sống ông bà không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông H thường xuyên uống rượu bia, lớn tiếng và đánh đập, đe dọa tính mạng bà nhiều lần, ông H còn không có trách nhiệm với vợ con và có quan hệ với người phụ nữ khác. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn ông H nhưng

ông H không thay đổi. Nay xét tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có một con chung là Hàng Minh N, sinh ngày 14/02/2014. Bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/02/2018, tại nơi làm việc của ông H – Thôn N 1, xã V, Nha Trang, ông H trình bày: Ông và bà Bùi Nữ Trà M tự nguyện kết hôn vơi nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Trong quá trình chung sống ông bà không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, giữa hai bên không có tiếng nói chung. Ông và bà M đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm giữa hai bên không còn nên bà M xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có một con chung là Hàng Minh N, sinh ngày 14/02/2014. Bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung, ông đồng ý giao con cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông trình bày vì bận công việc nên ông không đến tòa án để tham gia giải quyết vụ án trong suốt quá trình tố tụng mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải cũng như xét xử. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, xét xử vắng mặt ông. Hiện nay, ông đang làm việc và cư trú tại Nha Trang nên ông đồng ý để Tòa án Nha Trang giả quyết vụ án theo đơn yêu cầu của bà M.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong việc giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ vào các Điều 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí.

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Bùi Nữ Trà M được ly hôn với ông Hàng Minh H.

- Về con chung: Giao con chung cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Hàng Minh H do bà M không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền*: Bà Bùi Nữ Trà M có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang giải quyết vụ án ly hôn giữa bà và ông Hàng Minh H. Ông Hàng Mnh cũng đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý và giải quyết vụ án "Ly hôn" giữa nguyên đơn bà Bùi Nữ Trà M và bị đơn ông Hàng Minh H là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Hàng Minh H vẫn vắng mặt; Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] *Về nội dung*: Bà Bùi Nữ Trà M và ông Hàng Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường V cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 20/8/2013. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận. Bà M và ông H đều thừa nhận trong quá trình chung sống, giữa hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không thể giải quyết được. Ông H và bà M đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm giữa hai bên không còn nên bà M xin ly hôn, ông H đồng ý ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà M và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà M là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] *Về con chung*: Bà Bùi Nữ Trà M và ông Hàng Minh H có một con chung là cháu Hàng Mnh N, sinh ngày 14/02/2014. Bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hàng Minh N. Hội đồng xét xử xét, hiện tại cháu N còn nhỏ và hiện đang được bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên yêu cầu của bà M là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: Bà Bùi Nữ Trà M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 238, Điều 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, Mễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Bùi Nữ Trà M được ly hôn với ông Hàng Minh H.

2. Về con chung: Giao cháu Hàng Mnh N, sinh ngày 14/02/2014 cho bà Bùi Nữ Trà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Hàng Minh H do bà M không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Nữ Trà M và ông Hàng Minh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quy định: *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. Về án phí: Bà Bùi Nữ Trà M phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0008159 ngày 02/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà M đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Mnh

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.Nha Trang;
- Chi cục THA.DS TP.Nha Trang;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND phường Vạn T (Số 53 ngày 20/8/2013)
- Lưu án văn, hồ sơ;